- Họ và tên người soạn: **Nguyễn Thị Lan**

- Tên trường giảng dạy và địa chỉ: Trường THCS Quế Phong, Quế Sơn, Quảng Nam

- Số điện thoại liên hệ: 0915944204

- Địa chỉ Gmail: lantoanphutho@gmail.com

- Tên Zalo sử dụng: Nguyễn Thị Lan

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BÀI : LUYỆN TẬP CHUNG**

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này học sinh có khả năng:

**1. Về kiến thức:**HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

- Giải PT đơn giản quy về PT bậc nhất một ẩn.

- Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn gắn với PT bậc nhất một ẩn.

**2. Về năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Năng lực giao tiếp toán học.

- Năng lực mô hình hóa toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, giáo án tài liệu

**2. Học sinh:** SGK; đồ dùng học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động** ID132022KNTTSTT 66

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức: cách giải PT bậc nhất một ẩn, cách giải PT đưa được về dạng ax + b = 0, cách giải bài toán bằng cách lập PT.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức bài 25 + 26.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập**

+ GV chiếu BT trắc nghiệm thông qua trò chơi hộp quà bí mật, yêu cầu từng HS trả lời.

+ GV hỏi đáp HS kiến thức bài 25 + 26

**\* HS thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, nhớ lại kiến thức và giơ tay phát biểu.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 HS phát biểu đối với mỗi 1 câu hỏi.

**\* Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV tổ chức cho HS thực hiện theo cặp đôi **bài 7.13** – SGK – trang 38.  - HS thực hiện yêu cầu trên, GV mời đại diện 1 HS trình bày kết quả. Các HS còn lại quan sát, nhận xét kết quả.  **-** GV tổ chức cho HS thực hiện nhóm **Ví dụ 1** – SGK – trang 37.  - HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu trên, GV mời đại diện 1 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm còn lại quan sát, nhận xét kết quả.  **-** GV tổ chức cho HS thực hiện cá nhân **Ví dụ 2** – SGK – trang 37.  + Yêu cầu HS nhắc lại các bước giải bài toán bằng cách lập PT.  - GV mời 2 học sinh lên bảng trình bày, các HS khác quan sát và nhận xét, GV đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh và chốt đáp án.  **-** GV tổ chức cho HS thực hiện cá nhân **bài 7.12** – SGK – trang 38.  - GV mời 4 học sinh lên bảng trình bày, các HS khác quan sát và nhận xét, GV đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh và chốt đáp án.  **-** GV tổ chức cho HS thực hiện nhóm **bài 7.14** – SGK – trang 39.  - HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu trên, GV mời đại diện 1 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm còn lại quan sát, nhận xét kết quả.  **-** GV tổ chức cho HS thực hiện theo cặp đôi **bài 7.15** – SGK – trang 39.  - GV mời 1 học sinh lên bảng trình bày, các HS khác quan sát và nhận xét, GV đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh và chốt đáp án.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**:  *-* HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động nhóm, kiểm tra chéo đáp án theo sự hướng dẫn của GV  - GV dẫn dắt, phân tích, điều hành và quan sát, trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định:**  GV tổng quát, lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép bài đầy đủ. | **Bài 7.13**  x(x + 1) = x(x + 2)  x2 + x = x2 + 2x  x2 + x - x2 - 2x = 0  - x = 0  x = 0  Vậy phương trình có nghiệm x = 0  **Ví dụ 1:** Giải PT:      10(x – 2) – 15(x – 1) = 6(1 – x)  10x – 20 – 15x + 15 = 6 – 6x  10x – 15x + 6x = 6 + 20 – 15  x = 11  Vậy PT đã cho có nghiệm: x = 11.  **Ví dụ 2:**  4,5 triệu = 4 500 nghìn đồng  Gọi x (km) là quãng đường bác Hưng đã di chuyển. ĐK: x > 0.  Số tiền bác Hưng phải trả khi di chuyển x km: 10x  Số tiền phí cố định bác Hưng phải trả:  900.2 = 1 800  Theo đề ta có PT: 10x + 1 800 = 4 500  Giải PT ta được: x = 270 (thoả mãn ĐK)  Vậy trong hai ngày, bác Hưng đã di chuyển 270 km.  **Bài 7.12:** Giải các PT sau:  a) x – 3(2 – x) = 2x – 4  x – 6 + 3x = 2x – 4  x + 3x – 2x = -4 + 6  2x = 2  x = 1  Vậy PT đã cho có nghiệm duy nhất x = 1  b)    3(x + 5) – 6.4 = 2(x – 1)  3x + 15 – 24 = 2x – 2  3x – 2x = -2 – 15 + 24  x = 7  Vậy PT đã cho có nghiệm duy nhất x = 7  c) 3(x – 2) – (x + 1) = 2x – 4  3x – 6 – x – 1 = 2x – 4  3x – x – 2x = -4 + 6 + 1  0x = 3  Vậy PT đã cho vô nghiệm.  d) 3x – 4 = 2(x – 1) – (2 – x)  3x – 4 = 2x – 2 – 2 + x  3x – 2x – x = -2 – 2 + 4  0x = 0  Vậy PT đã cho nghiệm đúng với mọi x.  **Bài 7.14:**  Gọi x (m) là chiều dài của mảnh vườn. ĐK: x > 3  Chiều rộng của mảnh vườn: x – 3  Theo đề ta có PT: 2x + 2(x – 3) = 42  Giải PT ta được: x = 12 (thoả mãn ĐK)  Vậy chiều dài của mảnh vườn là 12 m, chiều rộng của mảnh vườn là 12 – 3 = 9 m.  **Bài 7.15:**  Gọi x (nghìn đồng) là giá ban đầu của chiếc áo len. ĐK: x > 399.  Khi giảm giá chiếc áo len 30% thì số tiền được giảm: 0,3x  Theo đề ta có PT: x – 0,3x = 399  Giải PT ta được: x = 570 (thoả mãn ĐK)  Vậy giá ban đầu của chiếc áo len là 570 nghìn đồng. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV tổ chức cho HS thực hiện cá nhân **bài 7.16** – SGK – trang 39.  - GV mời 1 học sinh lên bảng trình bày, các HS khác quan sát và nhận xét, GV đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh và chốt đáp án.  **-** GV tổ chức cho HS thực hiện cá nhân **bài 7.17** – SGK – trang 39.  - GV mời 1 học sinh lên bảng trình bày, các HS khác quan sát và nhận xét, GV đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh và chốt đáp án.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**:  *-* HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động nhóm, kiểm tra chéo đáp án theo sự hướng dẫn của GV  - GV dẫn dắt, phân tích, điều hành và quan sát, trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định:**  GV tổng quát, lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép bài đầy đủ. | **Bài 7.16:**  Gọi x là số áo sơ mi xưởng may được giao theo kế hoạch. ĐK: x N\*.  Số áo sơ mi may được trong thực tế: x + 8  Số áo mỗi ngày may được trong thực tế:  Theo đề ta có PT:  Giải PT ta được x = 1 000 (thoả mãn ĐK)  Vậy số áo sơ mi xưởng may được giao là 1 000 áo.  **Bài 7.17:**  Gọi x (đồng) là giá của mỗi số điện ở mức 1. ĐK: x > 0.  Giá tiền cho mỗi số điện ở mức 2: x + 56  Số tiền gia đình Tuấn phải trả khi dùng 50 số điện ở mức 1: 50x  Số tiền gia đình Tuấn phải trả khi dùng 45 số điện ở mức 2: 45(x + 56)  Theo đề ta có PT:  50x + 45(x + 56) + 10%[50x + 45(x + 56)] = 178 123  Giải PT ta được: x = 1 678 (thoả mãn ĐK)  Vậy mỗi số điện ở mức 1 có giá 1 678 đồng. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Ôn lại cách giải PT bậc nhất một ẩn, PT đưa được về dạng ax + b = 0, giải bài toán bằng cách lập PT.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.

- Xem trước bài 27 **Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số.**

**Các phiếu học tập**